TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/HS-PT
Ngày: 20-10-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông ***Tạ Quốc Việt***
Các thẩm phán: *- Ông* ***Nguyễn Văn Trị;***
- Ông ***Đoàn Ngọc Thiện.***

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Lê Thị Ngân** – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông **Ngô Xuân Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 103/2017/HSPT ngày 20/9/2017 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Long Điền.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Q (Q N) – Sinh năm 1985, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; HKTT: Đường P, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Đường P, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Đặng Thị V, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 20/10/2016 (có mặt).

2. Trần Đình T (T Đ) - Sinh năm 1991, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; HKTT: Tổ 4, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2017; tiền án: Bản án số 92/2013/HSST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền xử phạt Trần Đình T 08 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" và 08 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt là 16 tháng tù. Đã chấp hành xong ngày 07/11/2014; tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/9/2016 (có mặt).

3. Phan Hoàng G (G T) - Sinh năm 1990, tại Kiên Giang; HKTT: 28 tổ 6, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Phan Thế T và bà Đinh Thị Kim L; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/9/2016 đến ngày 16/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Hoàng Lê V (T M) - Sinh năm 1996, tại Bình Thuận; HKTT: Tổ 13, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/9/2016 đến ngày 19/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Trần Văn T - Sinh năm 1994, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 9, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị T; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. Bùi Chí K (B) - Sinh năm 1995, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 7, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Bùi Đức H và bà Mai Thị O; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn câm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Nguyễn Bá T (T) - Sinh năm 1996, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 12, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Bá K (đã chết) và bà Hoàng Thị H; gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 05/10/2016 đến ngày 21/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn câm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Nguyễn Thanh S (S S) - Sinh năm 1983, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Không có; chỗ ở: Tổ 10, ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Võ Thị O, sinh năm 1991 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Bản án số 11/2012/HSST ngày 27/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền xử phạt Nguyễn Thanh S 40 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/9/2014; tiền sự: Không; bị bắt ngày 20/10/2016 (có mặt).

9. Nguyễn Văn T (X) - Sinh năm 1990, tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 1, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 31/10/2016 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q: Ông Thái Văn C, Luật sư thuộc Công ty Luật N - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Các bị hại không có kháng cáo:

1. Bà Đào Thị P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. Ông Trần Duy K, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

4. Ông Lã Mạnh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 11 ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Thành Â, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố S, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

8. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 12 ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Đường G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

12. Ông Lê Văn P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường 30/4 phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2016 đến 30/9/2016 thì 12 thương lái gồm: Đào Thị P, Trần Duy K, Phan Thanh H, Lã Mạnh T, Nguyễn Thành Â, Nguyễn Thị Thanh B, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L và Lê Văn P tham gia hoạt động thu mua sò nhám để làm thức ăn cho tôm hùm tại cảng cá T, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã bị các bị cáo: Nguyễn Văn Q, Phan Hoàng G, Trần Đình T, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn T, Lê Văn V, Nguyễn Văn T và một số đối tượng chưa xác định được lai lịch gây sức ép, đe dọa buộc phải nộp số tiền từ 5.000đ đến 15.000đ/1 bao sò nhám thu mua được thì mới được mua sò nhám tại khu vực cảng.

Do các bị cáo tụ tập đông người, cởi áo khoe hình xăm để phô trương thân thế ngầm đe dọa gây áp lực và sợ bị ảnh hưởng đến việc thu mua sò nhám, các thương lái buộc phải chấp nhận đưa tiền theo yêu cầu của các đối tượng.

Về phương thức tổ chức hoạt động :Quá trình điều tra xác định 02 nhóm hoạt động trong 02 giai đoạn:

Nhóm thứ nhất: Do Nguyễn Văn Q đứng đầu, chỉ đạo trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2016. Q chia nhóm làm 03 tổ: Tổ 1 do Q đứng đầu, trong tổ còn có Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2. Tổ 2 do Phan Hoàng G đứng đầu và còn có Nguyễn Bá T, Nguyễn Hoàng Lê V và Trần Văn T. Tổ 3 do Lê Văn V đứng đầu và một số đối tượng khác chưa xác định được lai lịch. Q giao cho Phan Hoàng G thu tiền trực tiếp từ các thương lái, trung bình một ngày

thu được số tiền từ 4.000.000đ đến 8.000.000đ, tiền thu được Q chia làm 3 phần, một phần Q giữ lại cho tổ của mình, còn lại 02 phần Q đưa cho Phan Hoàng G và Lê Văn V để chia lại cho các thành viên trong tổ của Phan Hoàng G và Lê Văn V.

Đầu tháng 4/2016, Q cùng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Nguyễn Bá T hẹn các thương lái đến quán cà phê "Vườn cau" thuộc xã H, huyện L nói chuyện. Tại đây, Q yêu cầu 12 thương lái đóng 10.000đ/1 bao sò nhám mà các thương lái mua được tại cảng cho nhóm của Q, nhóm của Q bảo đảm không một thương lái nào khác được vào cảng mua sò nhám, nếu thương lái không đồng ý thì sẽ không được mua sò nhám, nếu cố tình mua thì cũng không được đưa xe vào chở hàng đi bán. Để chứng minh cho điều này thì vào đầu tháng tư (không xác định được ngày cụ thể) anh C khi mua được một số bao sò nhám trong cảng nhưng không đóng tiền cho nhóm của Q, khi Q biết thì đã cùng với G, S, T1 đi đến nhà anh C ở ấp T, xã T đề nghị mua lại những bao sò nhám mà anh C mua được, nhóm của Q yêu cầu anh C chở tất cả số bao sò nhám này đến khu vực cầu L và đổ số sò nhám trên xuống biển (khoảng 30-32 bao sò nhám). Sau khi thực hiện xong Q, G, S và T1 bỏ về và không trả tiền cho anh C. Việc làm này của Q nhằm làm cho anh C và các thương lái sợ mà chấp nhận đóng tiền cho nhóm của Q.

Trong giai đoạn này Nguyễn Văn Q thực hiện việc thu tiền trong thời gian khoảng 45 ngày, tổng số tiền nhóm Q thu được của 12 thương lái khoảng 200.000.000đ, trong đó số tiền cá nhân Q chiếm đoạt được khoảng 15.000.000đ đến 16.000.000đ.

Đối với Nguyễn Thanh S được Q phân công theo dõi, nắm bắt tình hình của các thương lái để thông báo cho Q. S tham gia khoảng 10 ngày, cứ 2 đến 3 ngày S được chia số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ. Tổng số tiền S được hưởng khoảng 1.000.000đ

Đối với Nguyễn Văn T2 được Q phân công đếm bao, nắm tình hình phản ứng của thương lái. T2 tham gia thực hiện khoảng 15 ngày, một ngày được chia từ 200.000đ đến 500.000đ. Số tiền T2 chiếm đoạt trong thời gian hoạt động trong nhóm Q là 5.000.000đ

Đối với Phan Hoàng G được Q phân công trực tiếp thu tiền từ các thương lái. Sau một thời gian thu tiền giữa Q, G và Lê Văn V nghi ngờ nhau trong việc thu, chia tiền nên Q giao lại việc thu tiền cho Lê Văn V. G không tham gia hoạt động trong nhóm Q nữa nhưng trong tổ của G còn có Nguyễn Hoàng Lê V, Nguyễn Bá T.. đang hoạt động nên G vẫn được chia tiền và sau khi Q nghỉ G đứng ra hoạt động trở lại cho đến tháng 7/2016. Tổng số tiền G chiếm đoạt được của các thương lái khoảng 30.000.000đ.

Đối với Nguyễn Bá T được G phân công nhiệm vụ đếm bao, thu tiền của thương lái. T tham gia hoạt động khoảng 30 ngày, một ngày T được chia từ 200.000đ đến 400.000đ. Số tiền T chiếm đoạt được trong thời gian hoạt động trong nhóm Q khoảng 9.000.000đ.

Đối với Nguyễn Hoàng Lê V được G phân công theo dõi, đếm bao sò của thương lái và thông báo lại cho G làm cơ sở thu tiền thương lái. V tham gia hoạt động trong nhóm khoảng 20 ngày, một ngày V được chia từ 200.000đ đến 300.000đ. Số tiền V chiếm đoạt được trong thời gian hoạt động trong nhóm Q khoảng từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ.

Đối với Trần Văn T được G phân công nhiệm vụ là T chỉ cần có mặt tại Cảng với mục đích ngầm đe dọa, tạo áp lực để các thương lái sợ mà đóng tiền cho G. Thực tế T có mặt tại cảng 02 ngày, những ngày khác do do tình hình ổn định nên T không có mặt tại cảng và T hoạt động trong nhóm khoảng 10 ngày, một ngày T được chia từ 200.000đ đến 300.000đ. Tổng số tiền T chiếm đoạt được trong thời gian hoạt động của nhóm Q từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

Đối với Lê Văn V, Nguyễn Văn T1 và một số đối tượng khác đã bỏ trốn, chưa làm việc được nên không xác định được số tiền mà các đối tượng này chiếm đoạt.

Nhóm thứ hai: Nhóm này do Trần Đình T tổ chức, chỉ đạo hoạt động từ khoảng tháng 8/2016 đến ngày 30/9/2016. Ngoài T đứng đầu thì trong nhóm còn có Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Nguyễn Bá T, Bùi Chí K và một số đối tượng khác không xác định được lai lịch.

Vào khoảng cuối tháng 7/2016 Trần Đình T gặp Phan Hoàng G tại cảng T, Trần Đình T đề nghị G để Trần Đình T thay nhóm của G, Q đứng ra thu tiền các thương lái, G đồng ý. Về phương thức hoạt động cũng giống như nhóm Q và G. Trần Đình T hẹn 12 thương lái đến quán ăn "San Hô Đỏ" thuộc xã T, huyện L để nói chuyện. Tại đây, Trần Đình T thông báo cho các thương lái biết nhóm Trần Đình T thay cho nhóm Q, G thu tiền của thương lái, nếu thương lái không đồng ý thì sẽ không được mua sò nhám tại cảng T. Thời gian đầu Trần Đình T yêu cầu thương lái đóng 15.000đ/01 bao sò, đến giữa tháng 9/2016 Trần Đình T giảm xuống còn 5000đ/01 bao. Nhóm Trần Đình T hoạt động trong thời gian tháng 8/2016, sau đó do thời tiết xấu và Trần Đình T chuẩn bị cưới vợ nên nhóm Trần Đình T ngưng hoạt động cho đến 15/9/2016 hoạt động trở lại cho đến 30/9/2016 bị bắt quả tang.

Trong nhóm Trần Đình T là người đứng đầu, chỉ đạo. Trần Đình T không trực tiếp thu tiền của thương lái mà giao cho Nguyễn Bá T, Nguyễn Hoàng Lê V. Trần Đình T chia tiền cho các bị cáo trong nhóm tùy mức độ khác nhau. Trong thời gian nhóm Trần Đình T hoạt động, số tiền nhóm chiếm đoạt được khoảng 40.000.000đ. Trong đó số tiền Trần Đình T chia cho các đối tượng trong nhóm khoảng 10.000.000đ, số tiền 30.000.000đ Trần Đình T cất giữ và tiêu xài cá nhân.

Đối với Nguyễn Bá T được Trần Đình T phân công nhiệm vụ trực tiếp thu tiền của thương lái. T tham gia hoạt động trong nhóm Trần Đình T từ tháng 8/2016 đến tháng 9/2016. Nếu ngày nào thương lái có mua sò và thu được tiền thì T được Trần Đình T chia từ 200.000đ đến 300.000đ. Số tiền T chiếm đoạt được trong thời gian hoạt động cho nhóm Trần Đình T là 3.000.000đ.

Đối với Bùi Chí K được Trần Đình T phân công nhiệm vụ đếm bao sò của thương lái mua được. K tham gia trong nhóm khoảng 13 đến 15 ngày, mỗi ngày nếu các thương lái có mua sò và thu tiền thì K được chia từ 200.000đ đến 300.000đ. Số tiền K chiếm đoạt được khoảng 2.500.000đ.

Đối với Trần Văn T được Trần Đình T phân công nhiệm vụ có mặt tại cảng gây áp lực cho các thương lái. T có mặt tại cảng được 02 ngày, sau đó thấy tình hình ổn định nên T không xuống cảng nữa. T được Trần Đình T chia số tiền 300.000đ.

Đối với Nguyễn Hoàng Lê V được Trần Đình T phân công nhiệm vụ đếm bao và thu tiền. V tham gia nhóm Trần Đình T từ 26/9/2016 đến 30/9/2016 và được Trần Đình T chia số tiền 550.000đ.

Vào khoảng 17 giờ ngày 30/9/2016, Nguyễn Hoàng Lê V điều khiển xe mô tô 72K1 -158.04 đến cảng T, xã T, huyện L để thu tiền của thương lái mua sò nhám trong ngày 29/9/2016 còn nợ chưa đưa. Nguyễn Hoàng Lê V đến thu của thương lái Phan Thanh H 120 bao sò x 5000đ = 600.000đ, thu của thương lái Nguyễn Thị Hồng Đ 240 bao sò x 5000đ/bao = 1.200.000đ và khi V đang thu của thương lái Đào Thị P 100 bao sò x 5000đ/bao = 500.000đ thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (PC 45) phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Về số tiền các thương lái bị chiếm đoạt: Hàng ngày các thương lái mua sò nhám từ nhiều chủ ghe tại cảng T và sau đó thuê xe chở đến tỉnh Khánh Hòa để bán cho nhiều khách hàng. Tất cả các giao dịch mua bán, vận chuyển giữa thương lái với các bên đều không làm giấy tờ, do đó không xác định được số lượng sò nhám cụ thể mà các thương lái thu mua mỗi ngày. Các đối tượng dựa vào số lượng bao sò nhám cụ thể mà thương lái mua được thực tế trong ngày để thu tiền. Hơn nữa, đa số các thương lái đưa tiền cho nhiều đối tượng trong thời gian dài và không có giấy tờ, sổ sách ghi chép việc đưa tiền và số tiền cụ thể. Tuy nhiên thương lái Trần Duy K giao nộp 01 cuốn sổ thể hiện số lượng bao sò nhám mà anh K mua được từ các chủ ghe trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 6/2016 là 19.360 bao sò và số tiền phải nộp cho nhóm Q là 140.690.000đ; trong thời gian từ tháng 7/2016 đến 29/9/2016 số lượng bao sò nhám anh K mua được là 10.330 bao và số tiền anh K phải nộp cho nhóm Trần Đình T là 101.500.000đ. Thương lái Nguyễn Thị Hồng Đ giao nộp 05 cuốn sổ thể hiện số lượng bao sò nhám mà chị Đ mua được từ các chủ ghe trong khoảng thời gian từ ngày 4/5/2016 đến tháng 6/2016 là 13.142 bao sò và số tiền phải nộp cho nhóm Q là 56.450.000đ; trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến 29/9/2016 số lượng bao sò nhám chị Đ mua được là 5.547 bao và số tiền chị Đ phải nộp cho nhóm Trần Đình T là 55.100.000đ. Trên cơ sở đó đã tiến hành làm việc cho đối chất giữa 02 thương lái với Nguyễn Bá T, Nguyễn Hoàng Lê V, Phan Hoàng G để xác định lại số tiền và các bị can T, V, G thừa nhận có trực tiếp thu tiền của thương lái K, Đ và các thương lái khác nữa, tuy nhiên do thời gian đã lâu, hoạt động trong thời gian dài, sổ sách mà các bị can ghi lại không đầy đủ, đồng thời sổ sách mà 02 thương lái K và Đ cung cấp cũng không thể hiện có sự xác nhận giữa bên bán với bên mua mà do các thương lái tự thống kê ghi lại nên không có cơ sở xác định được chính xác số tiền mà các đối tượng đã thu của các thương lái. Do đó, căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập và trên nguyên tắc có lợi cho các bị can nên xác định số tiền trong khoảng thời gian nhóm Q, G hoạt động từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2016 đã chiếm đoạt được của 12 thương lái là 66.000.000đ đến 70.000.000đ. Và nhóm của Trần Đình T hoạt động trong thời gian từ tháng 8/2016 đến ngày 30/9/2016 đã chiếm đoạt của 12 thương lái số tiền là 38.650.000đ.

Đối với Nguyễn Văn Q, Phan Hoàng G, Nguyễn Thanh S vào một ngày đầu tháng 4/2016 có hành vi đến nhà anh Đỗ Văn C yêu cầu mua lại số sò nhám, sau đó bắt anh C chở tất cả số sò nhám mua được trong ngày đem đổ xuống cầu L, thuộc xã T, huyện L. Về tài sản bị thiệt hại trên, anh C không cung cấp được tài liệu chứng minh về số lượng và trọng lượng cụ thể mỗi bao sò nên không có cơ sở

để xác định giá trị thiệt hại và anh C cũng không yêu cầu bồi thường. Do đó, không có căn cứ xử lý các đối tượng Q, G, S về hành vi hủy hoại tài sản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 phạm tội ***"Cưỡng đoạt tài sản***" và xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Xử phạt: Phan Hoàng G 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 16/6/2017.

Xử phạt: Nguyễn Bá T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến ngày 21/6/2017.

Xử phạt: Nguyễn Hoàng Lê V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 19/6/2017.

Xử phạt: Trần Văn T 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn T2 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Thanh S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50; Điều 51; Điều 53 Bộ luật hình sự :

Xử phạt: Trần Đình T 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù của bản án số 170/2016/HSPT ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bùi Chí K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017.

Về khoản tiền thu lời bất chính: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo giao nộp số tiền chiếm đoạt sung quỹ nhà nước như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Q phải giao nộp số tiền 15.000.000đ (mười năm triệu đồng).

- Bị cáo Phan Hoàng G phải giao nộp số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 giao nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thanh S giao nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Bị cáo Trần Đình T giao nộp số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Bi cáo Bùi Chí K giao nộp số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Bá T giao nộp số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

- Bị cáo Trần Văn T giao nộp số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Hoàng Lê V giao nộp số tiền 4.550.000đ (bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn kháng cáo:

- Ngày 14/8/2017, các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Thanh S làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 15/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn T2 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn Q làm đơn kháng cáo kêu oan.

- Ngày 21/8/2017, các bị cáo Phan Hoàng G, Nguyễn Bá T, Bùi Chí K làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 24/8/2017, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hoàng Lê V làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, mức hình phạt tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để xem xét. Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn Q thì thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo còn lại cũng như những người bị hại đều khai nhận Q là người cầm đầu, chủ mưu trong nhóm, chính Q là người đã đứng ra đe dọa ép các bị hại phải đóng tiền bảo kê. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu là hoàn toàn chính xác. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ y mức hình phạt của án sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 không có ý kiến tranh luận gì.

Luật sư Thái Văn C phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q như sau: Không đồng ý với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát quy kết bị cáo Nguyễn Văn Q tội "Cưỡng đoạt tài sản" bởi các lý do sau:

- Những lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị mớm cung khai theo sự hướng dẫn của cơ quan điều tra.

- Việc bị cáo và những đồng phạm khác thu tiền của các thương lái 10.000 đồng/bao sò nhám là do sự thỏa thuận giữa các bị hại và các bị cáo chứ các bị cáo không có sự đe dọa dùng vũ lực nào. Thể hiện có 02 người bị hại đã có đơn gửi Tòa án là họ nộp tiền do tự nguyện.

- Việc bị cáo Q và một số người khác đổ khoảng 21 bao sò của anh C xuống cầu L là do Q đã mua của anh C chưa kịp trả tiền.

Bị cáo Nguyễn Văn Q đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đối đáp lại ý kiến của Luật sư đại diện Viện kiểm sát bác bỏ toàn bộ những luận cứ của Luật sư đưa ra và giữ nguyên quan điểm như bản luận tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, các hành vi, Quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cấp sơ thẩm đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Q vẫn cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tội "Cưỡng đoạt tài sản" là oan cho bị cáo. Còn các bị cáo khác đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Qua điều tra, đối chất và tranh tụng công khai tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu được có trong hồ sơ nhận thấy đều phù hợp với nhau, do vậy xét đã có đủ căn cứ để xác định: Trong thời gian từ tháng 4/2016 đến 30/9/2016 tại khu vực cảng cá T với phương thức tổ chức, hoạt động theo hình thức băng nhóm các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 đã có hành vi đe dọa, ép buộc các thương lái phải nộp tiền từ 5000đ đến 15.000đ trên số đầu bao sò nhám mà các thương lái mua được trong từng ngày thì mới được mua bán sò nhám hoặc mới cho xe vào cảng chở sò nhám mang đi bán. Các bị cáo chia làm 02 nhóm hoạt động trong 02 giai đoạn như sau:

- Nhóm thứ nhất: Do Nguyễn Văn Q đứng đầu, chỉ đạo thu tiền từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2016. Q chia nhóm làm 03 tổ gồm: Tổ 1 gồm Q, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2. Tổ 2 gồm Phan Hoàng G, Nguyễn Bá T, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T. Tổ 3 gồm Lê Văn V và một số đối tượng khác chưa xác định được lai lịch. Tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được là từ 66.000.000đ đến 70.000.000đ.

- Nhóm thứ hai: Do Trần Đình T tổ chức, chỉ đạo thu tiền từ khoảng tháng 8/2016 đến ngày 30/9/2016. Ngoài T đứng đầu thì trong nhóm còn có Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Nguyễn Bá T, K và một số đối tượng khác không xác định được lai lịch. Tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt được là 38.650.000đ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất băng nhóm xã hội đen nên tính chất là rất nguy hiểm. Trước khi phạm tội các bị cáo có lên kế hoạch, phân công vai trò cho từng đồng phạm thể hiện sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là có tổ chức.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự với 02 tình tiết định khung hình phạt là: Có tổ chức, chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng và các bị cáo Trần Đình T, Bùi Chí K về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:*

Đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là nặng. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác cho yêu cầu kháng cáo của mình. Xét thấy, các bị cáo hiểu rõ luật pháp nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác thế nhưng với bản tính hung hăng, coi thường pháp luật, các bị cáo đã tổ chức lại thành các băng nhóm khác nhau với số lượng đông để uy hiếp tinh thần của các thương lái buộc họ phải miễn cưỡng đưa tiền bảo kê cho các bị cáo để được yên ổn làm ăn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho những người buôn bán nói riêng và nhân dân địa phương nói chung. Vì vậy cần phải xử các bị cáo một mức án thật nghiêm minh tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự có mức án từ 3 năm đến 10 năm, nhưng các bị cáo đều bị xét xử ở mức đầu khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q: Bị cáo kháng cáo kêu oan với các lý do sau: Bị cáo không đe dọa dùng vũ lực, không uy hiếp tinh thần của các bị hại. Việc các bị hại đưa tiền cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện dựa trên sự thỏa thuận giữa đôi bên rằng bị cáo sẽ giúp các bị hại không bị chủ ghe ép giá và đảm bảo chỉ có các bị hại được quyền mua sò nhám tại cảng, đổi lại các bị hại sẽ cho bị cáo 10.000 đồng/1 bao sò. Việc Tòa án chỉ căn cứ vào lời khai tại Cơ quan điều tra mà không căn cứ vào quá trình tranh luận tại phiên tòa để quy kết bị cáo phạm tội là oan sai bởi vì lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là không chính xác và tại phiên tòa các bị hại cũng thừa nhận là họ tự nguyện đưa tiền cho bị cáo. Đồng thời việc Tòa án sơ thẩm buộc bị cáo phải trả lại khoản tiền đã thu từ các bị hại là không đúng vì đây là

tiền do các bên tự thỏa thuận với nhau chứ không phải tiền bị cáo chiếm đoạt được. Đối với kháng cáo của bị cáo Q, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy như sau: Trong quá trình điều tra bị cáo Q đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chính bị cáo là người hẹn các thương lái và các bị cáo khác tới quán cà phê "Vườn Cau" để nói chuyện, tại đó bị cáo đã đưa ra mức giá 10.000 đồng/ 1 bao sò nhám, nếu các thương lái không đồng ý thì bị cáo sẽ mua hết số sò nhám tại cảng để ép giá và không cho các thương lái vào cảng mua mua sò, chính vì bị nhóm của Q uy hiếp nên các bị hại đã miễn cưỡng tuân theo (BL từ số 302 đến 314). Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của các bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể, tại các bút lục số 234, 228, 218, 212, 208, 269, 261, 249 , 243 các thương lái Phan Thanh H, Đào Thị P, Nguyễn Thành Â, Lê Văn P, Lã Mạnh T, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị Hồng Đ, Trần Duy K, Nguyễn Thị Thanh B đều khai rằng họ bị Q ép đóng tiền bảo kê. Nếu hàng ngày các thương lái không đóng tiền cho nhóm của Q thì sẽ không được vào cảng mua sò, do trước đó tại cà phê "Vườn Cau" bị nhóm của Q đe dọa và biết nhóm của Q là băng nhóm xã hội đen nên các thương lái sợ rằng nếu không làm theo yêu cầu thì sẽ bị đánh và không cho làm ăn nữa nên các bị hại phải miễn cưỡng đưa tiền cho nhóm của Q, đồng thời vì sợ bị trả thù nên các bị hại cũng không dám báo lên cơ quan công an. Tại cơ quan điều tra, bị cáo G cũng thừa nhận chính Q là người hẹn các thương lái ra quán cà phê và đưa ra mức giá bảo kê với họ (BL 335), bị cáo G, bị cáo S đều thừa nhận trong nhóm thì Q là người cầm đầu, phân công nhiệm vụ cho từng người và mọi hoạt động của nhóm đều phải được Q thông qua (BL 330, 423).

Tại biên bản phúc cung ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát huyện Long Điền (BL 508) bị cáo Q cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm Q đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án.

Vì vậy, việc bị cáo kháng cáo cho rằng tại cơ quan điều tra bị cáo bị mớm cung, ép cung là không có căn cứ.

Xét thấy hành vi phạm tội của Q đã rõ, chính Q là người cầm đầu, chỉ huy nhóm mình thực hiện hành vi phạm tội. Q chỉ ra mặt lúc hẹn các thương lái đến quán cà phê để uy hiếp họ, còn việc thu tiền hay giám sát hoạt động mua bán của các thương lái thì Q giao lại cho các đàn em của mình thực hiện, sau khi các đàn em thu được tiền từ các thương lái thì giao lại cho Q để Q chia cho cả nhóm. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của Q đúng như bản án sơ thẩm đã đánh giá, nhận định. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án cấp sơ thẩm.

Về các ý kiền bào chữa của luật sư là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] *Về án phí:* Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng Gi, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 56/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

I. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

1. Xử phạt: **Nguyễn Văn Q (Q N) 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2016.

2. Xử phạt: **Phan Hoàng G (G T) 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 16/6/2017.

3. Xử phạt: **Nguyễn Bá T (T) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến ngày 21/6/2017.

4. Xử phạt: **Nguyễn Hoàng Lê V (T m) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 19/6/2017.

5. Xử phạt: **Trần Văn T 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017.

6. Xử phạt: **Nguyễn Văn T2 (X) 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2016.

- Áp dụng điểm a,d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự:

7. Xử phạt: **Nguyễn Thanh S (S S) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50; Điều 51; Điều 53 Bộ luật hình sự :

8. Xử phạt: **Trần Đình T (T Đ) 04 (bốn) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù của bản án số 170/2016/HSPT ngày 01/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

9. Xử phạt: **Bùi Chí K (B) 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017.

II. Về số tiền thu lời bất chính:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo giao nộp số tiền chiếm đoạt sung quỹ nhà nước như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Q phải giao nộp số tiền 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng).
- Bị cáo Phan Hoàng G phải giao nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Bị cáo Nguyễn Văn T2 giao nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).
- Bị cáo Nguyễn Thanh S giao nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).
- Bị cáo Trần Đình T giao nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Bi cáo Bùi Chí K giao nộp số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Bá T giao nộp số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).
- Bị cáo Trần Văn T giao nộp số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm ngàn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Hoàng Lê V giao nộp số tiền 4.550.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

III. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình T, Phan Hoàng G, Nguyễn Hoàng Lê V, Trần Văn T, Bùi Chí K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn T2 phải chịu mỗi người 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tạ Quốc Việt

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- PV27-Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Điền;
- VKSND huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.